TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 15/4/2021
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Văn Hà
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Không.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 39/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn 6, xã Nga A, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Bị đơn*: Anh Mai Xuân T - Sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn 2, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh Mai Xuân T là người làm công cho anh. Ngày 30/9/2018, anh H có cho anh T ứng trước số tiền là 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*). Anh T có viết giấy, ký nhận và hứa nếu anh T không làm lại cho anh H nữa thì sẽ hoàn lại số tiền 18.000.000đ cho anh H vào ngày 25/3/2019. Đến hẹn, anh T không đi làm lại cho anh H và cũng không hoàn trả lại số tiền 18.000.000đ đã ứng trước, mặc dù anh H đã yêu cầu anh T trả lại số tiền nhiều lần nhưng anh T không thực hiện và có thái độ trốn tránh. Nay anh H làm đơn đề nghị Tòa án buộc anh Mai Xuân T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Hoan số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi xuất.

* Theo bị đơn anh Mai Xuân T trình bày: Anh là người làm công cho anh Phạm Văn H từ tháng 02 đến tháng 10/2018. Trong khoảng thời gian trên anh T có một số lần ứng tiền của anh H, tổng cộng là 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)*. Tuy nhiên, số tiền công anh T làm đã đối trừ hết khoản tiền anh T ứng của anh H. Đến tháng 10/2018, anh H không trả tiền công cho anh T nên anh T nghỉ việc, không làm cho anh H nữa. Đến ngày 11/3/2019, anh H xuống nhà anh T yêu cầu trả lại số tiền đã ứng trong thời gian làm việc. Anh T yêu cầu anh H mang bảng chấm công và sổ tạm ứng lương để cộng sổ và quyết toán, nhưng anh H không không thực hiện, nên anh T không có cơ sở để trả lại tiền cho anh H.

Ngày 16/3/2019, anh H cùng một số người đến chỗ anh T làm việc đe dọa, ép buộc anh T viết giấy tạm ứng số tiền 18.000.000đ và hẹn đến ngày 25/3/2019 phải hoàn trả lại cho anh H.

Nay anh H làm đơn yêu cầu buộc anh T phải trả số tiền đã viết giấy tạm ứng là 18.000.000đ, anh T không đồng ý trả số tiền tạm ứng trên cho anh H vì không có cơ sở.

* Quá trình giải quyết tại Tòa án: Anh Thủy thừa nhận có viết giấy tạm ứng số tiền 18.000.000đ của anh Hoan, nhưng đó là do anh Hoan đe dọa, ép buộc viết giấy. Anh Hoan chưa thanh quyết toán về tiền công làm cho anh Thủy, nên anh không đồng ý trả nợ số tiền 18.000.000đ cho anh Hoan.

Ngày 30/12/2020, anh Mai Xuân T có đơn phản tố gửi đến Tòa án. Ngày 05/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn đã ra Thông báo số 01/TB-TA về việc "Yêu cầu anh T sửa đơn phản tố và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố". Tuy nhiên, trong quá trình giải quết vụ án anh T không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa,căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Phạm Văn H và anh Mai Xuân T là tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản đối với "Hợp đồng tạm ứng tiền mặt" ngày 30/9/2018, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự đã làm bản tự khai nêu quan điểm và yêu cầu của mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên

đương sự yêu cầu nhưng các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, ngày 30/3/2021, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 30/9/2018, anh Mai Xuân T đã viết giấy và ký nhận tạm ứng anh Phạm Văn H số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), có thỏa thuận thời gian trả nợ. Nếu anh T không làm lại cho anh H nữa thì sẽ trả lại số tiền vay trên cho anh H vào ngày 25/3/2019. Hợp đồng có nội dung rõ ràng, người tạm ứng tiền đã ký nhận, thuộc phạm vi mà pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Như vậy là giao dịch hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của anh Phạm Văn H: Đề nghị Tòa án buộc anh Mai Xuân T thanh toán số tiền đã tạm ứng 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) ngày 30/9/2018 và không yêu cầu tính lãi xuất là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của anh Mai Xuân T: Ngày 16/3/2019, anh H cùng một số người đến chỗ anh T làm việc, đe dọa, ép buộc anh T viết giấy tạm ứng số tiền 18.000.000đ và yêu cầu hẹn đến ngày 25/3/2019 phải hoàn trả lại cho anh H, nên anh không đồng ý trả nợ số tiền 18.000.000đ cho anh H. Đề nghị của anh T là không phù hợp với thực tế, sai ngày tháng năm trong giấy tạm ứng tiền, không được anh H chấp nhận và không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, nên buộc anh T phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền tạm ứng là 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) cho anh Phạm Văn H.

[5] Về lãi xuất: Anh Phạm Văn H không yêu cầu tính lãi xuất đối với số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa anh Phạm Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận, hòa giải với nhau được hướng giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

[7] Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H, tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp và hòa giải, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc anh Mai Xuân T tạm ứng của anh Phạm Văn H số tiền 18.000.000đ(*Mười tám triệu đồng*) ngày 30/9/2018 là đúng thực tế. Cho nên, buộc anh Mai Xuân T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Phạm Văn H số tiền 18.000.000đ(*Mười tám triệu đồng*).

[8] Về án phí: Anh Mai Xuân T là bên vi phạm hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H. Buộc anh Mai Xuân T phải trả cho anh Phạm Văn H số tiền tạm ứng 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Buộc anh Mai Xuân T phải nộp 900.000đ(*Chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sư sơ thẩm. Trả lại cho anh Phạm Văn H số tiền tạm ứng án phí 450.000đ(*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0010954 ngày 14/12/2020.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ